# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT KINH TẾ- THƯƠNG MẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

# **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT KINH TẾ- THƯƠNG MẠI**

## **1.1 Khái niệm pháp luật kinh tế**

Pháp luật kinh tế không phải là ngành luật độc lập theo tiêu chuẩn phân loại của lí luận pháp luật hiện hành mà là khái niệm tổng hợp, bao gồm toàn bộ các văn bản thuộc nhiều ngành luật khác nhau như luật kinh tế, luật tài chính, luật lao động, luật đất đai *[9, tr 12-13].* Như vậy, trong hệ thống pháp luật kinh tế tồn tại một ngành luật quan trọng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lí và hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau và với các cơ quan quản lí đó là luật kinh tế. Tuy nhiên, hiện vẫn có nhiều quan niệm khác nhau về ngành luật này: Người này gọi là luật kinh tế, người kia gọi là luật kinh doanh hoặc luật thương mại.

*Quan niệm về Luật Kinh tế*

Những người theo trường phái luật kinh tế của GS.VS Laptev cho rằng luật kinh tế là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Xô viết, điều chỉnh các quan hệ giữa các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa và các bộ phận cấu thành của chúng trong lãnh đạo và thực hiện các hoạt động kinh tế. Những quan hệ này được gọi là các quan hệ kinh tế và phát sinh trong quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế không phải là tất cả các quan hệ phát sinh trong quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa mà chỉ một phần các quan hệ đó - các quan hệ kinh tế, với đặc trưng quan trọng nhất của chúng là trong các quan hệ đó bao giờ cũng kết hợp hài hòa yếu tố tài sản và yếu tố tổ chức - kế hoạch. Ngoài ra, những người theo trường phái này còn khẳng định rằng, luật kinh tế không chỉ có đối tượng điều chỉnh riêng mà còn có phương pháp điều chỉnh và các nguyên tắc riêng.

Luật Kinh tế là ngành luật điều chỉnh hai nhóm quan hệ xã hội chủ yếu, đó là những quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh và những quan hệ trong quá trình quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh đó. Tương ứng với các quan hệ đó, nội dung của luật kinh tế bao gồm hai bộ phận quy phạm pháp luật chính: thứ nhất, những quy định về việc thực hiện hoạt động kinh doanh; thứ hai, những quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh. Tùy thuộc vào bản chất của nền kinh tế trong từng giai đoạn lịch sử mà Nhà nước chú trọng ưu tiên phát triển các quy định về thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc các quy định về quản lí nhà nước đối với hoạt động kinh doanh.

*Quan niệm về Luật Thương mại*

Trong đời sống kinh tế xã hội cũng như trong khoa học pháp lí ở các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, luật thương mại đã tồn tại như một ngành luật quan trọng, cùng với luật dân sự điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hóa - tiền tệ.

Luật thương mại ra đời do yêu cầu mới của đời sống kinh tế xã hội lúc bấy giờ và do các quy định của luật dân sự không thể đáp ứng được đối với những quan hệ mới phát sinh trong lĩnh vực lưu thông thương mại. Như TS. Nguyễn Quang Quýnh nhận xét: *"Lúc đầu người ta chỉ biết có dân luật. Tới thời kì thương mại phát triển, người ta nhận thấy có nhu cầu đặc biệt, cần có các quy tắc riêng mới thỏa mãn được. Thí dụ, nhu cầu nhanh chóng, mau lẹ về thủ tục, nhu cầu tín dụng" [7, tr. 56].*

Lúc khởi thủy, luật thương mại là ngành luật tư điển hình, là luật của các thương gia, điều chỉnh các quan hệ mua bán trên thị trường. Như vậy, lúc bấy giờ luật thương mại chỉ điều chỉnh các hành vi mua bán hàng hóa nhằm mục đích kiếm lời. Nhưng về sau, cái gọi là "hành vi thương mại" không còn bị bó hẹp là hành vi mua bán mà được mở rộng ra, bao gồm tất cả các hành vi: Đầu tư, sản xuất, trao đổi hàng hóa, cung ứng dịch vụ... nhằm mục đích sinh lợi. Do đó, phạm vi điều chỉnh của luật thương mại ngày càng được mở rộng và nội dung của nó ngày càng phong phú hơn. Nội dung của luật thương mại các nước này được thể hiện tập trung nhất trong các bộ luật thương mại, đề cập những vấn đề cơ bản như địa vị pháp lí và hoạt động của các thương nhân, các giao dịch thương mại và đại diện thương mại, chứng khoán, thương mại hàng hải, mất khả năng thanh toán và phá sản. Ngoài ra, trong bộ luật thương mại của một nước còn chứa đựng những quy định về giải quyết tranh chấp trong thương mại *[11].*

Ở Việt Nam, cùng với việc ban hành Luật thương mại năm 1997, trên thực tế đã xuất hiện khái niệm "luật thương mại". Song, do khái niệm thương mại được Luật thương mại (1997) nước ta tiếp cận ở nghĩa hẹp tức chỉ là một khâu của hoạt động kinh doanh cho nên luật thương mại không được coi là một ngành luật mà chỉ được coi như một bộ phận của luật kinh tế.

Trong thời gian gần đây, theo tinh thần của Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kì cũng như trên cơ sở Pháp lệnh trọng tài thương mại (2003), khái niệm hoạt động thương mại được hiểu theo nghĩa rộng.(13) Với hoạt động thương mại theo nghĩa rộng đó, chúng tôi cho rằng đã đến lúc cần nhìn nhận lại vị trí của luật thương mại trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Luật thương mại không được coi là một ngành luật mà chỉ được coi như một bộ phận của luật kinh tế điều chỉnh các hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.

*Quan niệm về Luật Kinh doanh*

Ở Việt Nam, thuật ngữ "luật kinh doanh" hay "pháp luật kinh doanh" được bàn đến vào những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ XX, trong các đề tài nghiên cứu khoa học và trong các hội thảo khoa học. Theo Lê Hồng Hạnh: "Luật kinh doanh điều chỉnh các quan hệ gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh". Còn theo PGS.TS. Dương Đăng Huệ, pháp luật kinh doanh, nói một cách nôm na nhất là tổng hợp các văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động và giải thể doanh nghiệp. Nội dung của kinh doanh có bốn bộ phận cơ bản cấu thành là: pháp luật về các loại hình doanh nghiệp; pháp luật về hành vi kinh doanh; pháp luật về vỡ nợ, phá sản; pháp luật về cơ quan tài phán trong kinh doanh.

Từ những quan niệm trên cho thấy, cho dù quan niệm luật kinh doanh là ngành luật hay môn học thì nội dung cơ bản của nó cũng chứa đựng hai vấn đề pháp lý cơ bản, đó là: Pháp luật về hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh và pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh. Suy cho cùng, những vấn đề trong nội dung của luật kinh doanh cơ bản giống những nội dung của luật kinh tế như đã trình bày ở trên, có chăng, chỉ khác về cách thức, mức độ can thiệp (quản lý) bằng pháp luật của các nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trong từng thời thời kỳ lịch sử.

## **1.2 Một số khái niệm có liên quan**

*Môi trường pháp lý* là tổng thể các yếu tố, điều kiện do các quy định pháp luật xác lập, trong đó các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế và mọi công dân thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của mình hoặc tương tác lẫn nhau. Theo nghĩa rộng, môi trường pháp lý gồm hệ thống các quy định pháp luật, việc giải thích pháp luật, thực thi pháp luật và ý thức pháp luật của công dân.

Các quy định pháp luật ở Việt Nam bao gồm: Hiến pháp, Luật, Nghị quyết do Quốc hội ban hành; Nghị quyết, Pháp lệnh do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định, Thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết, Thông tư liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị - xã hội; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân.

Yêu cầu chung đối với các quy định này khi được ban hành là các văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, hiệu lực pháp lý của văn bản trong hệ thống pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành phải phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, trái với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành.

*Thực hiện pháp luật* là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân khi tiến hành các hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, an ninh, quốc phòng. Theo đó, các chủ thể này phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật.

*Ý thức pháp luật* là một dạng thức tổng hợp của con người bao gồm hai nhóm: trí tuệ về pháp luật và ý chí pháp luật. Có ý thức pháp luật của công dân, ý thức pháp luật của các tập thể, của giai cấp, của Nhà nước, của Đảng cầm quyền. Ý thức pháp luật đúng đắn, trong sáng của các chủ thể nêu trên là một trong những yếu tố góp phần tạo môi trường pháp lý an toàn, lành mạnh, là biện pháp cơ bản để tăng cường kỷ cương pháp chế của đất nước để phòng chống có hiệu quả các biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

*Thiết chế thi hành pháp luật* theo nghĩa rộng gồm các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp; theo nghĩa hẹp, đó là cơ quan hành pháp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhằm bảo đảm Hiến pháp, pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Hệ thống các cơ quan hành pháp được tổ chức từ Trung ương đến địa phương bao gồm Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (gồm các bộ và cơ quan ngang bộ) và Ủy ban nhân dân các cấp. Với tính chất là cơ quan chấp hành của cơ quan lập pháp, Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật, có nhiệm vụ bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân.

Hệ thống các cơ quan tư pháp bao gồm: Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan bổ trợ tư pháp. Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan này có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, góp phần bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Theo tinh thần cải cách tư pháp và cải cách hành chính, nước ta đang tiến hành kiện toàn các thiết chế thi hành pháp luật như nâng cao năng lực xét xử cho tòa án; xây dựng và hoàn thiện pháp luật bổ trợ tư pháp theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp, thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động bổ trợ tư pháp; đưa chức năng công tố trở thành chức năng chính của Viện kiểm sát; tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, bảo đảm xây dựng một nền hành pháp thống nhất, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hợp lý và có hiệu quả.

## **1.3 Vai trò của pháp luật kinh tế đối với nền kinh tế**

Mọi nền kinh tế, bất luận là kinh tế kế hoạch hóa tập trung như trước đây hay nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, đều không thể tồn tại và phát triển nếu không dựa vào pháp luật. Tuy nhiên, do nền kinh tế thị trường, xét về bản chất, là một nền kinh tế tự thân vận động là chủ yếu (thông qua nguyên tắc tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm và tự do cạnh tranh), nên so với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây thì nền kinh tế này cần pháp luật hơn nhiều. Vai trò của pháp luật đối với nền kinh tế thị trường được thể hiện ở những điểm cơ bản sau đây *[5].*

*Một là,* bằng pháp luật, Nhà nước ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường. Không có những nguyên tắc cơ bản như tự do sở hữu, tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, tự do cạnh tranh thì Nhà nước sẽ không thể thiết kế được một mô hình nền kinh tế là nền kinh tế thị trường định hướng XNCN mà mình mong muốn tại Việt Nam (các nguyên tắc này được quy định chủ yếu trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành khác).

*Hai là,* nền kinh tế thị trường chính là nền kinh tế tự thân vận động là chủ yếu, nhưng điều đó không có nghĩa là nó không cần đến sự quản lý, điều hành và sự can thiệp ở một mức độ nhất định từ phía Nhà nước. Bằng pháp luật, Nhà nước quy định địa vị pháp lý một cách đầy đủ, rõ ràng cho các cơ quan trong bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước, giúp bộ máy này dù có phức tạp, đồ sộ đến đâu vẫn có được sự đồng bộ về mặt tổ chức, sự nhịp nhàng, thông suốt trong sự quản lý điều hành, góp phần làm cho việc quản lý nền kinh tế trở nên có hiệu quả và hiệu lực.

*Ba là,* nền kinh tế thị trường không thể thiếu được các nhân vật trung tâm của nó là các doanh nghiệp. Bằng pháp luật, Nhà nước tạo lập ra các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh (chủ yếu là dưới hình thức các doanh nghiệp) để không chỉ góp phần cá thể hóa các chủ thể tham gia quan hệ thị trường với nhau, mà còn với các cơ quan nhà nước, làm cho các chủ thể này tuy khác nhau về tên gọi, về hình thức sở hữu, về hình thức tổ chức, về quy mô kinh doanh và lĩnh vực đầu tư, nhưng vẫn có được sự tách bạch, độc lập về mọi mặt để có thể tham gia vào quan hệ thị trường một cách bình thường. Nói cách khác, không có pháp luật để xác định một cách rõ ràng địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, thì các chủ thể này sẽ không thể thiết lập các quan hệ trao đổi hàng hóa - loại quan hệ chủ yếu nhất và phổ biến nhất của nền kinh tế thị trường.

*Bốn là,* nhờ có pháp luật, Nhà nước quy định các biện pháp chế tài (dân sự, hành chính, hình sự) nhằm trừng phạt các hành vi vi phạm pháp luật từ phía các doanh nghiệp, qua đó góp phần bảo đảm cho quan hệ thị trường được ổn định, không bị tùy tiện vi phạm. Tóm lại, nhờ có pháp luật mà Nhà nước có thể tạo lập được một môi trường kinh doanh có trật tự, an toàn - một yêu cầu không thể thiếu được của bất cứ nền kinh tế thị trường bình thường nào.

*Năm là,* bằng pháp luật, Nhà nước có thể khuyến khích hay hạn chế sự phát triển của một ngành kinh tế, một lĩnh vực kinh tế, một địa phương nào đó, một vùng lãnh thổ nào đó, góp phần thực hiện chính sách phát triển kinh tế đồng đều, hài hòa ở nước ta.

## **1.4 Quá trình hình thành khung pháp lý về kinh tế ở Việt Nam**

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quyết sách quan trọng được Đại hội VI của Đảng khởi xướng năm 1986 và ghi nhận trong nhiều văn kiện khác. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thông qua tại Đại hội VII của Đảng (năm 1991) khẳng định: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”. Đại hội lần thứ VIII của Đảng năm 1996 tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới, xác định rõ giai đoạn 1996 - 2000 là bước quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ những chủ trương, định hướng trên đây, Quốc hội Việt Nam đã ban hành hàng loạt văn bản pháp luật về kinh tế: “Để phát triển kinh tế, thực hiện các chính sách và mục tiêu kinh tế, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng đói nghèo, chậm phát triển thì một trong những giải pháp quan trọng là đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật kinh tế” *[3, tr. 83].* Quá trình xây dựng, ban hành những văn bản pháp luật kinh tế được tiến hành qua các giai đoạn sau:

*Pháp luật về kinh tế giai đoạn 1986 - 1992*

Dấu ấn đầu tiên trong việc hình thành pháp luật thời kỳ đổi mới là Luật Đất đai năm 1987 và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987. Trong những năm 1988 - 1990, Đảng và Nhà nước đã tiến hành đổi mới có hệ thống, tương đối đồng bộ và triệt để toàn bộ nền kinh tế, cụ thể là khoán 10 trong nông nghiệp; thiết lập hệ thống ngân hàng hai cấp; thông qua Pháp lệnh về Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989; ban hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990…

Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987, Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990 là bước đột phá nhằm thể chế hóa chính sách mới và ghi nhận nhiều điểm mới so với pháp luật hiện hành thời kỳ trước. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cho phép chủ đầu tư huy động nguồn vốn từ nước ngoài vào kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận từ hoạt động đầu tư… Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty quy định quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quyền thừa kế vốn, tài sản, lợi ích hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp; thừa nhận sự tồn tại và phát triển lâu dài của doanh nghiệp tư nhân.

*Pháp luật về kinh tế giai đoạn 1992 - 2012*

Hiến pháp năm 1992 được Quốc hội thông qua, thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng tạo lập sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, theo hướng thành phần kinh tế tư nhân có thể cạnh tranh bình đẳng với kinh tế nhà nước và khẳng định sự bảo đảm đối với tài sản của cá nhân, tổ chức, cũng như định rõ những trường hợp đặc biệt khi tiến hành quốc hữu hóa.

Nhiều văn bản pháp lý là nền tảng cho sự xuất hiện của các loại thị trường lần lượt được ban hành. Từ năm 1992, một số văn bản về thị trường hàng hóa, dịch vụ đã lần lượt xuất hiện, trong đó có Bộ luật Dân sự năm 1995 và Luật Thương mại năm 1997. Khung pháp lý cho thị trường lao động cũng bước đầu được hình thành bằng Bộ luật Lao động năm 1994. Với thị trường tài chính, chúng ta có Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997…

Từ năm 1996 - 2000, nhiều văn bản được ban hành như Luật Thương mại năm 1997, Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi năm 2000)…

Từ năm 2000 - 2005, lần lượt Luật Doanh nghiệp Nhà nước (2003), Luật Cạnh tranh (2004), Bộ luật Dân sự (2005), Luật Thương mại (2005), Luật Đầu tư (2005), Luật Sở hữu trí tuệ (2005), Luật Chứng khoán (2006)… ra đời, đáp ứng nhu cầu điều chỉnh pháp luật, yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tạo dựng cơ sở pháp lý cho các loại thị trường ở Việt Nam. Bộ luật Lao động năm 2012 ghi nhận nhiều quyền, nghĩa vụ của người sử dụng và người lao động.

Một thay đổi có tính định hướng khác là chủ trương áp dụng án lệ. Ngày 24-5-2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong đó xác định chủ trương về phát triển án lệ: “Nghiên cứu về khả năng khai thác, sử dụng án lệ, tập quán (kể cả tập quán, thông lệ thương mại quốc tế) và quy tắc của các hiệp hội nghề nghiệp, góp phần bổ sung và hoàn thiện pháp luật…”. Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định: “Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm” *[4].*

*Pháp luật về kinh tế theo Hiến pháp năm 2013*

Trước những thay đổi nhiều mặt của đời sống xã hội, Hiến pháp năm 2013 được ban hành, trong đó, xác lập, ghi nhận quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh tế, kinh doanh, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đất đai, tài nguyên thiên nhiên...